

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/10/2020

V/v Tranh chấp về Hôn nhân
và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lại Đức Lợi

Ông Phan Thế Hùng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 62/2020/QĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số: 33/2020/QĐ-ST ngày 02 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị M - sinh năm 1986.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn R, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: tổ 1, khu 9, thị trấn T1, huyện H1, tỉnh Quảng Ninh.

- **Bị đơn:** Ông Kim Yeong M1 - sinh năm 1962.

Địa chỉ: 363 M2, Y, G, C, Hàn Quốc. Hộ chiếu số MXXXXXX, Hàn Quốc cấp ngày 12/5/2016.

- **Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị T2 - sinh năm 1956.

Nơi cư trú: thôn R, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Là mẹ đẻ bà Trần Thị M)

(Nguyên đơn, bị đơn, Người làm chứng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***/ Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2019 và bản tự khai của nguyên đơn trong quá trình tố tụng thì bà Trần Thị M yêu cầu ly hôn với ông Kim Yeong M1 và trình bày cụ thể như sau:

Bà Trần Thị M và ông Kim Yeong M1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 22/01/2019, trong hoàn cảnh bà đã có 01 lần lập gia đình và có 02 con nhưng đã ly hôn, gia đình khó khăn, bố bị tâm thần đã nhiều năm, mẹ già yếu, thông qua người mai mối giới thiệu bà đã tìm hiểu, kết hôn với ông Kim Yeong M1 với mong muốn được sang Hàn Quốc làm kinh tế giúp đỡ gia đình. Sau khi kết hôn, ông Kim Yeong M1 ở lại Việt Nam với bà được 02 ngày thì trở về Hàn Quốc, sau đó ông Kim Yeong M1 thông báo lại cho bà không làm được thủ tục bảo lãnh cho bà sang Hàn Quốc, ông Kim Yeong M1 cũng không về Việt Nam để chung sống với bà. Thời gian đầu thỉnh thoảng ông Kim Yeong M1 vẫn gọi điện thoại và đã gửi 6.000.000 đồng về cho bà, từ tháng 5 năm 2019, ông Kim Yeong M1 không liên lạc với bà M, không quan tâm đến cuộc sống của bà, bà M gọi điện, nhắn tin nhưng ông Kim Yeong M1 cũng không trả lời. Hiện nay bà M thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với ông Kim Yeong M1 nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Kim Yeong M1.

Về con chung: Bà M và ông Kim Yeong M1 không có con chung, hiện bà M không có thai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M trình bày bà và ông Kim Yeong M1 không có tài sản chung, không vay nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn:** Ông Kim Yeong M1 đã nhận được văn bản của Tòa án nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không trình bày quan điểm về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung giữa ông và bà Trần Thị M.

*** Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị T2 cung cấp: Về thời gian, thủ tục, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn giữa bà Trần Thị M và ông Kim Yeong M1 đúng như bà M đã trình bày. Sau khi kết hôn khoảng vài ngày, ông Kim Yeong M1 đã trở về Hàn Quốc và hứa sẽ làm thủ tục bảo lãnh cho bà M sang đoàn tụ với chồng. Sau đó khoảng 3 tháng ông Kim Yeong M1 có liên lạc thông báo lại là không làm được thủ tục cho bà M sang Hàn Quốc. Do đó bà M vẫn sống ở nhà bà, rồi đi làm thuê ở Quảng Ninh để kiếm tiền nuôi con và đỡ đần gia đình vì bố bị bệnh tâm thần nhiều năm, còn bà tuổi cao, sức yếu nên không làm được gì. Ông Kim Yeong M1 và bà M đã hoàn toàn chấm dứt mọi mối quan hệ với nhau

từ khoảng tháng 5 năm 2019. Bà T2 đề nghị Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn ông Kim Yeong M1.

*** Về thủ tục ủy thác tư pháp:** Ngày 11/02/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình thông qua Bộ Tư pháp đã tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc để tổng đạt cho ông Kim Yeong M1 văn bản tố tụng “Thông báo về việc thụ lý vụ án” số 107/TB-TLTA ngày 30/12/2019, trong đó có nêu cụ thể thời gian tiến hành phiên họp hòa giải, phiên họp hòa giải mở lại (lần 2), phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa sơ thẩm mở lại (lần 2) của Tòa án. Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc đã thực hiện ủy thác tư pháp vào ngày 24/6/2020, đến ngày 12/10/2020 Tòa án nhận được kết quả ủy thác tư pháp.

Tòa án đã đề nghị Ban đối ngoại - Đài Tiếng nói Việt Nam thực hiện đăng tin thông báo về việc giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa bà Trần Thị M và ông Kim Yeong M1. Đài Tiếng nói Việt Nam đã tiến hành đăng tin văn bản tố tụng đó bằng tiếng Hàn Quốc trên trang web vovworld.vn từ ngày 02/10/2020 đến ngày 04/10/2020.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Đối với bị đơn, Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định pháp luật, ông Kim Yeong M1 đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án. Tòa án đã thực hiện đăng thông tin văn bản tố tụng bằng tiếng Hàn Quốc trên kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam để thông báo tới bị đơn về việc giải quyết vụ án bà Trần Thị M xin ly hôn ông Kim Yeong M1 - là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa là đúng pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Trần Thị M được ly hôn ông Kim Yeong M1. Việc giải quyết về tài sản chung được đặt ra khi đương sự có yêu cầu. Bà M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Trần Thị M xin ly hôn ông Kim Yeong M1 có Quốc tịch Hàn Quốc, hiện đang cư trú tại Hàn Quốc, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 40; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định pháp luật để tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Kim Yeong M1, ông Kim Yeong M1 đã nhận được các văn bản của Tòa án nhưng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà M, Tòa án cũng đã đăng thông tin về việc giải quyết vụ án bằng tiếng Hàn Quốc trên kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam trong các ngày từ ngày 02/10/2020 đến ngày 04/10/2020 để thông báo tới bị đơn về việc giải quyết vụ án, theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông Kim Yeong M1 vẫn không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến và vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa. Nguyên đơn bà Trần Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, điểm a khoản 1 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo trình tự vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị M và ông Kim Yeong M1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 22/01/2019 - được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Sau khi kết hôn, bà M và ông Kim Yeong M1 không làm được thủ tục cho bà M xuất cảnh sang Hàn Quốc đoàn tụ vợ chồng, ông Kim Yeong M1 cũng không đến sinh sống tại Việt Nam, vì vậy mỗi người sống ở một Quốc gia. Từ tháng 5/2019, bà M, ông Kim Yeong M1 đã chấm dứt hoàn toàn mọi mối quan hệ với nhau. Xét thấy, hôn nhân giữa bà M và ông Kim Yeong M1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị M, xử cho bà M được ly hôn ông Kim Yeong M1 là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị M và ông Kim Yeong M1 không có con chung nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí, lệ phí, chi phí tố tụng: Bà Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật. Bà Trần Thị M còn phải chịu chi phí về việc thông báo văn bản tố tụng trên kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam (đã tự thực hiện chi phí).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; điểm a khoản 1 Điều 474 ; Điều 479 Bộ Luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị M được ly hôn ông Kim Yeong M1.

[2] Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí tố tụng:

Bà Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp để tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà M đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0009235 ngày 30/12/2019 và 200.000 đồng bà M đã nộp tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp tại biên lai thu số 0009243 ngày 04/02/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí, lệ phí.

Bà M phải chịu chi phí về việc thông báo văn bản tố tụng trên kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam (bà M đã tự thực hiện chi phí).

Bà Trần Thị M phải nộp 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp để tổng đạt bản án cho bị đơn.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, ông Kim Yeong M1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày đương sự được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Bình